TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-PT
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Cường

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Văn Thị Mỹ Thảo -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1573/2022/QĐ-PT ngày 21/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy L; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Huy L:

Luật sư Phạm Ngọc Q - Công ty luật Q1; địa chỉ: 40 đường L1, thành phố P1, tỉnh Gia Lai, có đơn xét xử vắng mặt;

Luật sư Hoàng Ngọc P và luật sư Phạm Văn L -Văn phòng luật sư T2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng Tr; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai, có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai; có đơn xét xử vắng mặt;

- Bà Lê Thị P2; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai,

vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Huy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thể hiện:

Năm 1984 ông L khai hoang được một đám đất để trồng hoa màu với diện tích khoảng 572m^2 tọa lạc tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K (sát trường Đ cũ) có tứ cận: Đông giáp suối; Tây giáp đất ông C1; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C2; Bắc giáp đất ông Nguyễn Th (theo đơn xin xác nhận nguồn gốc đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P ngày 13-9-1998).

Tại thời điểm khai hoang thì vị trí đất ở vùng trũng, nên Nhà nước làm đường thoát nước lũ vào mùa mưa, còn mùa nắng thì gia đình ông canh tác trồng rau muống. Lúc này có gia đình ông bà Bảy Ch cũng có đất tiếp giáp với đất của gia đình ông L, nên gia đình ông L và vợ chồng ông, bà Bảy Ch thường xuyên canh tác trên phần đất riêng của mỗi người và không có ai tranh chấp gì. Đến năm 1998 Nhà nước thu hồi một phần đất của ông L để làm đường B, nên diện tích còn lại khoảng 237m^2 (rộng 9,5m; dài 25m) có tứ cận: Đông giáp suối; Tây giáp đất ông C1; Nam giáp đường B; Bắc giáp đất ông Nguyễn Th. Khi thu hồi đất, các cơ quan có thẩm quyền đã làm đầy đủ các thủ tục như: Đo đạc đất, kiểm đếm tài sản trên đất và xác minh chủ sử dụng đất nên đã bồi thường cho gia đình ông L 600.000 đồng; phần đất còn lại thì giao cho gia đình ông L tiếp tục sử dụng, quản lý.

Đến năm 2013 Nhà nước tiếp tục thu hồi một phần đất của ông L có diện tích khoảng 90m^2 (rộng 3,6m; dài 25m) để làm cống thoát nước và xây dựng hành lang mương, nên diện tích đất còn lại của ông L là 147m^2. Tuy nhiên, khi thi công hệ thống thoát nước dẫn từ khu vực chợ P ra sông thì đơn vị thi công đã cho xe đổ đất, san lấp mặt bằng cản trở gia đình ông L sử dụng đất, nên ông L đã có đơn kiến nghị khẩn cấp và đến ngày 01/3/2013 đã nhận được Công văn số 06/UBND-NC của UBND thị trấn P về việc trả lời đơn kiến nghị của ông L. Sau khi Nhà nước làm đường xong, ông L đã liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất có diện tích 147m^2 nêu trên thì mới biết vào năm 2015 ông Nguyễn Hùng Tr đã tự ý lấn chiếm đất của ông L bằng cách kê khai làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ bao gồm cả phần đất của ông L. Ông L đã nhiều lần yêu cầu ông Tr trả lại diện tích đất lấn chiếm, hủy GCNQSDĐ số CB 118727 để ông L làm GCNQSDĐ cho mình, nhưng ông Tr không đồng ý. Quá bức xúc về hành vi vi phạm của ông Tr, nên ông L đã nhiều lần kiến nghị UBND thị trấn P hòa giải cơ sở về việc tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Hùng Tr nhưng hòa giải không

thành.

Việc ông Nguyễn Hùng Tr lấn chiếm đất của ông L sau đó được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 118727 với diện tích 158m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong đó chồng lấn lên phần đất của ông L có diện tích 147m^2 là vi phạm pháp luật và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Do đó, ông Nguyễn Huy L yêu cầu Tòa án tỉnh Gia Lai giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Hùng Tr trả lại phần đất lấn chiếm của ông có diện tích 147m^2 tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 118727 với diện tích 158m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D cấp cho ông Nguyễn Hùng Tr.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Nguyễn Hùng Tr trả lại cho ông 123,75m^2 đất theo như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2020.

2. Bị đơn trình bày thể hiện:

Trước năm 1972 cha mẹ tôi là ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị B1 lên khai khoang gần 1hecta đất tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K. Năm 1986 cha tôi chết để lại đất cho mẹ tôi và các con. Năm 1989 mẹ tôi qua đời không để lại di chúc, phần diện tích đất khai khoang để lại cho anh Nguyễn Minh Tâm quản lý và sử dụng. Sau đó ông Tâm cho ông Ca, ông Nguyễn Huy L và ông C2 trồng mỳ, trồng rau muống trên thửa đất ông Tâm quản lý. Năm 2002 vợ chồng tôi xuống yêu cầu ông Ca, ông L, ông C2 không trồng mỳ nữa để chúng tôi lấy đất làm nhà. Ông Ca và ông C2 đồng ý trả, không có tranh chấp gì. Năm 2003 chúng tôi xây một căn nhà cấp bốn trên thửa đất đã đòi lại từ ông Ca và ông C2.

Năm 2004 Nhà nước mở đường Quang Trung nối dài đi qua thửa đất của nhà tôi. Lúc này gia đình tôi xin cấp GCNQSDĐ nhưng không được vì thửa đất của gia đình chúng tôi đang trong quy hoạch. Gia đình chúng tôi làm đơn khiếu nại, sau khi UBND xác minh thì được biết diện tích đất trên là của cha mẹ tôi khai hoang để lại cho anh em chúng tôi.

Năm 2015 Nhà nước xác định diện tích đất tranh chấp là do cha mẹ tôi để lại, đồng thời anh chị em trong gia đình có văn bản từ chối nhận di sản đối với 158m^2 đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D tại tổ dân phố 1, thị trấn P. Nên ngày 9/10/2015 UBND huyện K đã cấp GCNQSDĐ cho tôi.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L vì ông L không có khai hoang diện tích đất nào tại tổ dân phố 1, thị trấn P. Diện tích đất tranh chấp là do cha mẹ tôi để lại cho anh em chúng tôi. Anh Tâm cho ông L mượn để trồng mỳ,

trồng rau muống thôi chứ không phải là diện tích đất ông L khai hoang.

UBND huyện K cấp đất cho chúng tôi đúng theo trình tự, quy định của pháp luật nên tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị P2 trình bày thống nhất với yêu cầu của bị đơn.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện K trình bày thể hiện:

UBND huyện K đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Hùng Tr đúng quy định của pháp luật, tranh chấp giữa hai bên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Huy Tài trình bày thể hiện:

Ông là em ruột của ông Nguyễn Huy L. Năm 1998 ông từ ngoài Bắc vào, do không có đất làm nên năm 2002 ông mượn đất của ông L để trồng rau muống. Năm 2008 ông mua được đất nên ông trả lại đất đã mượn cho ông L. Diện tích của thửa đất tranh chấp ban đầu thì rộng hơn nhưng sau khi làm mương thì diện tích còn cỡ 230m^2 hay 240m^2. Vị trí đất tranh chấp là thuộc tổ dân phố 1 thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Ranh giới đất lúc bấy giờ phía Đông giáp suối (hiện nay là con mương); phía Tây giáp đất ông C1 (đã chết); phía Bắc giáp đất ông Th (đã chết); phía Nam giáp đường B. Trong quá trình ông mượn đất của ông L để trồng rau muống từ năm 2002 đến năm 2008 không có ai đến nói đây là đất của tôi không được trồng rau muống cả. Nếu như bị đơn trình bày cho rằng là đất cha mẹ bị đơn để lại thì tại sao trong suốt thời gian ông trồng rau muống bị đơn không có ý kiến gì cả.

4.2. Ông Nguyễn Văn Q2, ông Lưu L2, ông Đặng Quang S, ông Trần Văn H3 trình bày đều thể hiện:

Trước đây khoảng năm 1984 các ông sinh sống tại khu vực trường Đ cũ. Tại thời điểm đó, diện tích đất đang tranh chấp là của ông Bảy Ch (Nguyễn Văn Ch) sử dụng trồng rau màu. Sau đó do gần mương nước nên nhiều người trồng rau muống tại đó. Các ông khẳng định nguồn gốc diện tích đất trên là của ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị B1. Thời gian sau này ông, bà Bảy Ch giao lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Hùng Tr sử dụng.

4.3. Ông Vũ Xuân L1 trình bày thể hiện:

Chữ ký và xác nhận "Thống nhất ý kiến của Chủ tịch Mặt trận" là chữ ký và xác nhận của ông, có đóng dấu của UBND thị trấn P. Căn nguyên là vì thời điểm đó có quy định rõ rằng việc xác định, xác minh nguồn gốc đất phải có ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã, phường, thị trấn. Do đó đối với "Đơn xin xác minh nguồn gốc đất" của ông Nguyễn Huy L vào ngày 6/8/1998 đã có ý kiến, lời phê của ông Hồ Chí K2 là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc thị trấn lúc bấy

giờ, nên tôi đã ký và xác nhận "Thống nhất ý kiến của Chủ tịch Mặt trận". Nguồn gốc thửa đất thời điểm đó do ai đang sử dụng thì ông không biết. Đối với lời phê của ông Hồ Chí K2 do đã lâu năm nên ông không nhớ.

4.4. Ông Nguyễn Văn C2 trình bày thể hiện:

Thời điểm trước năm 1998 tôi thấy khu vực đó gần suối, đất tốt lại không có người sử dụng nên tôi có canh tác trồng rau màu tại đó, phía Nam đất của ông Nguyễn Huy L. Sau đó ông Nguyễn Hùng Tr cho rằng ông đang sử dụng đất rau màu mà cha mẹ ông Tr để lại, nên ông cũng đã trả lại cho ông Tr. Hiện nay, diện tích đất ông sử dụng nay đã được giải phóng mặt bằng để làm đường B như bây giờ.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 79 Luật Đất đai năm 1993. Khoản 1 Điều 46; khoản 2, 3 Điều 107 Luật Đất đai năm 2003. Điều 95; Điều 97; Điều 99; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy L về yêu cầu ông Nguyễn Hùng Tr trả 123,75m^2 đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 118727 với diện tích 158m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D cấp cho ông Nguyễn Hùng Tr.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2021 ông Nguyễn Huy L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày đồng ý luật sư Phạm Ngọc Q vắng mặt có gửi bản luận cứ. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và tranh tụng thể hiện: Đất ông L sử dụng không tranh chấp, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ với diện tích 123,75m^2. Đơn đề nghị xác nhận đất của ông L ngày 06/8/1998 có xác nhận của chính quyền địa phương là đúng thẩm quyền. Quá trình sử dụng đất ông L bị thu hồi đất và được đền bù 600.000đ. Ông Nguyễn Hùng Tr không có chứng cứ chứng minh đất tranh chấp là của bố mẹ ông Tr để lại. Thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Tr không tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy L, sửa bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn Huy L thống nhất lời trình bày tranh tụng của luật sư.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy L là trong thời hạn luật định.

- Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Huy L trình bày diện tích đất tranh chấp là do ông khai hoang năm 1984 (theo đo đạc thực tế là 123,75m^2) nhưng ông L không có tài liệu, chứng cứ là khai hoang, kê khai đăng ký, nộp thuế theo Luật Đất đai. Ngoài ra ông L cho rằng quá trình sử dụng đất ông bị Nhà nước thu hồi một phần đất và được bồi thường. Tuy nhiên, ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bị thu hồi đất và được bồi hường. Các nhân chứng trình bày đều thể hiện: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Bảy Ch (Nguyễn Văn Ch) sử dụng trồng rau màu. Sau đó ông Bảy Ch giao lại cho ông Nguyễn Hùng Tr quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Huy L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 06/12/2021 ông Nguyễn Huy L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Như vậy đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy L là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Huy L đồng ý tiến hành xét xử vắng mặt luật sư Phạm Ngọc Q vì luật sư Quang có gửi bản luận cứ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt luật sư Phạm Ngọc Q.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Huy L:

[2.1] Ông Nguyễn Huy L cho rằng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số CB 118727 ngày 9/10/2015 cho ông Nguyễn Hùng Tr diện tích 158m^2 (đo đạc thực tế là 123,75m^2) có nguồn gốc do ông khai hoang, bị ông Nguyễn Hùng Tr kê khai chồng lấn lên đất của ông L. Hiện nay ông Tr được cấp GCNQSDĐ nêu trên. Ngoài lời trình bày này của ông Nguyễn Huy L, ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2.2] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại "Đơn xin xác minh nguồn gốc đất" đề ngày 06/8/1998 có xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – thị trấn P và của UBND thị trấn P ngày 13/8/1998 do ông L xuất trình và lời trình bày của ông Nguyễn Huy L thể hiện:

“1. Phần nội dung đơn do ông L ghi: ... Vị trí, hình thể, diện tích thửa đất: Vị trí thửa đất(tọa lạc)-Sát trường Đ cũ, có giới cận: Đông giáp Suối Mla; Tây giáp đất C1; Nam giáp đất Nguyễn Văn C2; Bắc giáp đất Nguyễn Th. Kích thước-Dài 52m, rộng 11m. Tổng diện tích đất sử dụng 572m^2 (trong đó: Đất ở 222m^2, đất trồng cây 250m^2). Được nhân chứng xác nhận gồm Nguyễn Th, Đỗ Đăng C1, Nguyễn Văn C2. 2. Phần nội dung xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – thị trấn P ghi: Đám rau muống hiện nay là dòng nước thoát lũ, trời sinh ra. Còn mặt bằng hiện nay đang xây cống đường B là đất bìa suối nước có nguồn gốc của Bảy Ch khối I. Nay công dân đào mương qua để bị không băng qua đám rau muống hiện nay. Nếu làm cống lấp mương thì nước trở lại xuyên qua đám rau muống như cũ - mùa khô tận dụng tốt, mùa mưa nước cuốn. Đề nghị chuyên môn suy nghĩ g/q” (bút lục số 10; 98);

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2020 do Tòa án nhân dân huyện K lập đối với ông Nguyễn Văn C2 thể hiện việc Hỏi - Đáp: “... H. Thời điểm năm 1998 ông có sử dụng đất giáp phía Nam với đất ông Nguyễn Huy L không? Hiện nay ông còn sử dụng hay chuyển nhượng cho người khác? Đ. Có; diện tích đất này ông Nguyễn Hùng Tr cho rằng đó là đất của cha mẹ ông Tr, nên tôi đã trả lại cho ông Nguyễn Hùng Tr...” (bút lục số 105);

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2020 do Tòa án nhân dân huyện K lập đối với bà Phan Thị N1 (vợ ông Đỗ Đăng C1) thể hiện việc Hỏi - Đáp: “... H. Thời điểm năm 1998 ông bà có sử dụng đất giáp phía Tây với đất ông Nguyễn Huy L không? Hiện nay ông bà còn sử dụng hay chuyển nhượng cho người khác? Đ. Có. Căn nguyên nguồn gốc diện tích đất đó là do ông Bảy Ch (là cha mẹ ông Nguyễn Hùng Tr) sử dụng trồng môn, rau muống, rau màu...” (bút lục số 104);

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020 do Tòa án nhân dân huyện K lập đối với bà Nguyễn Thị C2 (vợ ông Nguyễn Th) thể hiện việc Hỏi - Đáp: “... H. Thời điểm năm 1998 ông bà có sử dụng đất giáp phía Bắc với đất ông Nguyễn Huy L không? Hiện nay ông bà còn sử dụng hay chuyển nhượng cho người khác? Đ. Vợ chồng ông Nguyễn Huy L có trồng rau muống, rau màu giáp với đất nhà tôi. Nguồn gốc diện tích đất đó là của vợ chồng ông Bảy Ch...” (bút lục số 103);

Tại Biên bản xác minh ngày 04/8/2020 do Tòa án nhân dân huyện K lập đối với ông Nguyễn Văn M (Chủ tịch UBND thị trấn P) thể hiện: “...Thời điểm năm 1998 thửa đất ông Nguyễn Huy L xin xác nhận có vị trí tứ cận như vậy là đúng. Hiện nay vị trí thửa đất không thay đổi; tứ cận thửa đất đã thay đổi, cụ thể như sau: Đông giáp Suối; Tây giáp đất bà Đỗ Thị Như Ngọc (bà Ngọc được cha là ông Đỗ Đăng C1 và mẹ là Phan Thị N1 cho đất để sử dụng); Nam giáp đường B (đất ông Nguyễn Văn C2 sử dụng thời điểm năm 1998, sau đó ông C2 trả đất cho ông Nguyễn Hùng Tr là con đẻ ông Bảy Ch sử dụng. Đến khi mở rộng đường

B như hiện trạng); Bắc giáp đất ông Th1 (ông Th1 được cha là ông Nguyễn Th và mẹ là bà Nguyễn Thị C2 cho thửa đất để sử dụng)...” (bút lục số 101);

Tại Công văn số 104/CV-CPĐK ngày 16/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai-Chi nhánh huyện K gửi Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thể hiện: “... Vì điều kiện thực tế tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện K cơ sở dữ liệu địa chính còn chưa đầy đủ nên không thể tìm được thông tin theo tin Tòa án tỉnh Gia Lai cung cấp...” (bút lục số 96);

Tại Công văn số 03/CV-TNMT ngày 05/01/2021 của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện K gửi Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thể hiện: “Phòng Tài nguyên Môi trường không có hồ sơ lưu trữ đơn xin xác minh nguồn gốc đất của ông Nguyễn Huy L do UBND thị trấn P xác nhận ngày 13/8/1998 và Danh sách chi trả tiền đền bù cho người dân khi thu hồi đất để thi công lắp đặt cống thoát nước đường B” (bút lục số 154);

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19, 20 tháng 10 năm 2020 do Tòa án nhân dân huyện K lập đối với ông Lưu L2, ông Đặng Quang S, ông Trần Văn H3, ông Nguyễn Văn Q2 (người làm chứng) đều thể hiện: “... Nguồn gốc diện tích đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 118727 với diện tích 158m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Hùng Tr là của ông bà Bảy Ch (Nguyễn Văn Ch) là cha mẹ ông Nguyễn Hùng Tr (bút lục số 121, 122, 123, 124);

[2.3] Qúa trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Huy L thừa nhận không đăng ký, kê khai đối với diện tích đất sử dụng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Huy L còn cho rằng quá trình sử dụng đất đã bị Nhà nước thu hồi đất 02 lần và được bồi thường, cũng như có khiếu nại và đã được giải quyết. Tuy nhiên, ông L không cung cấp được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung trình bày này của mình là có căn cứ. Hơn nữa, lời khai của ông Nguyễn Văn C2, bà Phan Thị N1 (vợ ông Đỗ Đăng C1), bà Nguyễn Thị C2 (vợ ông Nguyễn Th) phù hợp với lời khai của những người làm chứng được phân tích nêu trên; phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - thị trấn P tại “Đơn xin xác minh nguồn gốc đất” đề ngày 06/8/1998. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án UBND huyện K xác nhận việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 118727 với diện tích 158m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D cấp cho ông Nguyễn Hùng Tr là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và những nội dung đã được phân tích tại các mục [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của ông

Nguyễn Huy L là không có căn cứ để chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 79 Luật Đất đai năm 1993. Khoản 1 Điều 46; khoản 2, 3 Điều 107 Luật Đất đai năm 2003. Điều 95; Điều 97; Điều 99; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Xử:

2.1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy L về yêu cầu ông Nguyễn Hùng Tr trả 123,75m^2 đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 118727 với diện tích 158m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25D cấp cho ông Nguyễn Hùng Tr.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy L phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền ông L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000075 ngày 13/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký) (Đã ký)

Vũ Thanh Liêm **Nguyễn Cường** **Trần Quốc Cường**